

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HS-ST

Ngày: 10 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Giang
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn V, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2001, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1977 và bà Phùng Thị N, sinh năm 1979; chưa có vợ con; có 03 anh em, bị cáo là người thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26 tháng 4 năm 2018, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đến ngày 05 tháng 10 năm 2019 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giam từ ngày 07 tháng 5 năm 2020 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Bị hại:** Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1966; tạm trú: Số 18-19E2 đường T, khóm K6, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt)

- **Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Đình N1 (vắng mặt)
2. Ông Lê Khắc T1 (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 07 tháng 5 năm 2020, Nguyễn Văn V đến khu vực phường K, thành phố L tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà số 18-19E2 đường T, khóm K6, phường K, thì thấy cửa trên tầng 1 không khóa. Lợi dụng điều kiện này, V trèo hàng rào vào tầng 1 tìm tài sản lấy trộm nhưng không có. V lên tầng 2 vào phòng ngủ thứ nhất lục túi quần Jean của ông Nguyễn Đình H lấy trộm 2.260.000 đồng, 50 đô la Úc, 10 đô la Mỹ để trong bóp da màu đen cất vào túi quần phía sau bên phải của V. Sau đó, V đi xuống tầng trệt lấy chìa khóa mở cửa nhà và mở khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade Việt Nam, biển số 79Z1-386.11 dẫn ra vỉa hè. Rồi V trở lên tầng 2 tiếp tục tìm tài sản lấy trộm, thì bị ông H phát hiện truy hô, cùng các ông Nguyễn Đình N1, Lê Khắc T1 đuổi theo bắt giữ V và giao cho Công an. Công an phường K đã lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm: 2.260.000 đồng, 50 đô la Úc, 10 đô la Mỹ, 01 xe mô tô biển số 79Z1-386.11, 01 chiếc quần Jean màu xanh, 01 bóp da màu nâu hiệu Fendi, 01 dây thắt lưng da màu đen.

Kết luận về việc xác định giá trị tài sản số 63/KL.HĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L xác định: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade Việt Nam biển số 79Z1-386.11 trị giá 14.868.750 đồng.

Công văn số 293/AGI/KT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang về việc cung cấp tỷ giá đô la Mỹ (USD), đô la Úc (AUD) so với Việt Nam đồng ngày 07 tháng 5 năm 2020, xác định: 01 USD = 23.160 đồng; 01 AUD = 14.716,21 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà V chiếm đoạt là 18.096.160 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các Kết luận xác định giá trị tài sản và Công văn của Ngân hàng.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 05/QĐ-VKS ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã quyết định truy tố Nguyễn Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Nguyễn Văn V, và đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn V từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”

- Xử lý vật chứng: Tài sản chiếm đoạt bị hại đã nhận lại nên không xem xét.

Bị cáo Nguyễn Văn V khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Quyết định truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường về dân sự, yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập, nhưng tại phiên tòa bị hại, người làm chứng vắng mặt. Thấy rằng, quá trình điều tra, truy tố bị hại, người làm chứng đã cung cấp lời khai cho cơ quan tiến hành tố tụng, tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho bị hại. Do đó, việc vắng mặt của bị hại, người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử; nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 01 giờ ngày 07 tháng 5 năm 2020, lợi dụng sự sơ hở của bị hại, bị cáo Nguyễn Văn V đã thực hiện hành vi cố ý lén lút vào nơi cư trú của các ông Nguyễn Đình H, Nguyễn Đình N1, Lê Khắc T1 để lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Đình H. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt được là 18.096.160 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo V đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hình phạt:

[4.1] Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo từng bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù

về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng do bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không xác định bị cáo có tiền án. Lẽ ra, bị cáo phải cần cù lao động, rèn luyện tu dưỡng để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại, vì muốn có tiền để tiêu xài mà không phải tốn nhiều công sức lao động hợp pháp, nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” cho dù bản thân nhận thức được hành vi đó là vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu. Do đó, cần xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ án xảy ra, bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng đã được trả cho bị hại, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt: Nguyễn Văn V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 5 năm 2020.

2. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Bị cáo Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tp. L (2);
- Chi cục THADS tp. L (1);
- Nhà tạm giữ - CA tp. L (2);
- Sở Tư pháp tỉnh AG (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Lưu VP;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thùy Giang